HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THUỶ SẢN VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 89 /CV-VASEP *V/v báo cáo tình hình SX xuất khẩu thủy sản và các vướng mắc, khó khăn về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính*	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2023*

Kính gửi: - Văn phòng Chính phủ - CQ thường trực Tổ Công tác CC TTHC

- Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính

Phúc đáp công văn số 82/HĐTV ngày 20/10/2023 của Quý Hội đồng về việc tổng hợp khó khăn, vướng mắc định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) xin tổng hợp tình hình SXXK thủy sản 9 tháng đầu năm 2023 và các vướng mắc, khó khăn hiện tại về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính trong hoạt động SXKD của DN thủy sản, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP THỦY SẢN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023:

9 tháng đầu năm 2023, XK thủy sản của Việt Nam đạt **6,6 tỷ USD**, giảm **-22,6%** so với cùng kỳ năm ngoái. XK giảm sâu trong giai đoạn nửa đầu năm (-27%), từ tháng 6, tăng trưởng âm thu hẹp dần, riêng tháng 9, doanh số XK chỉ còn thấp hơn 5% so với cùng kỳ.

Do vậy, tổng kim ngạch XK thủy sản trong quý III chỉ thấp **hơn -12%** so với quý III/2022 – cũng là mức giảm ít nhất trong 3 quý đầu năm.

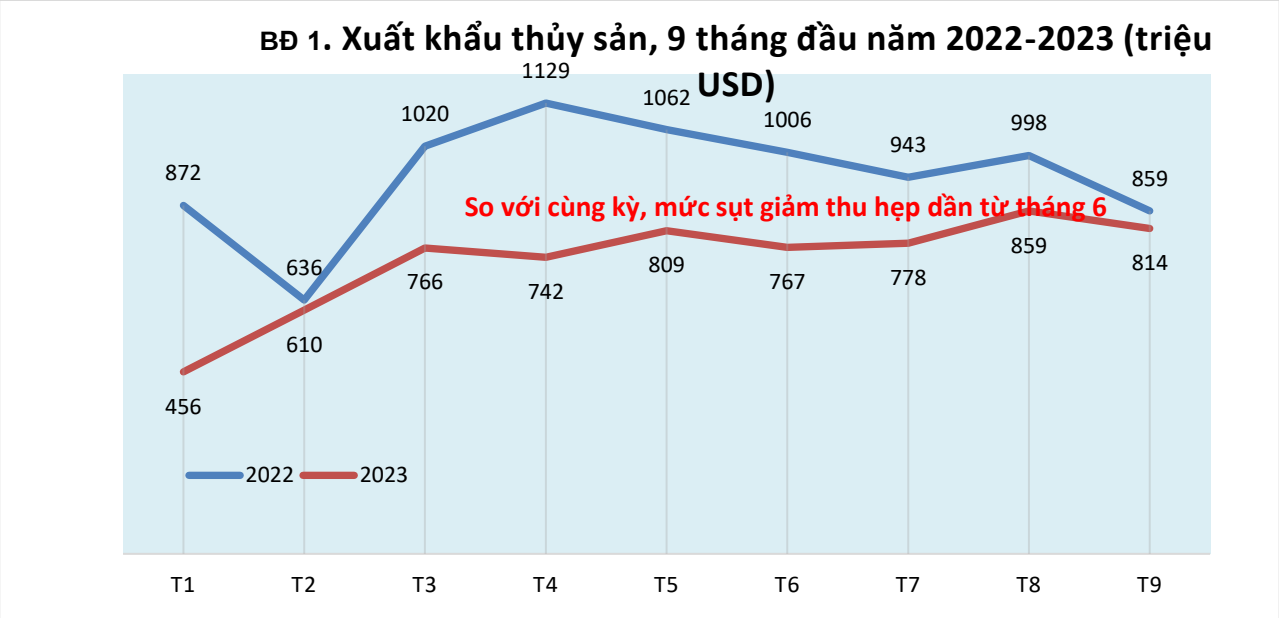

Tổng thể bức tranh XK cho thấy, 9 tháng đầu năm nay, các mặt hàng chính gồm **tôm, cá tra, cá ngừ** đều có doanh số XK giảm mạnh hơn so với các loài khác. Trong đó, XK **cá tra** giảm mạnh nhất **(-31%),** tôm giảm **-26%,** cá ngừ giảm **-24%.** Trong khi đó, mực, bạch

tuộc, cua ghẹ, nhuyễn thể có vỏ **giảm từ 10-18%,** các loại cá biển khác chỉ thấp hơn 8% so với cùng kỳ năm 2022.

XK thủy sản sang những thị trường tiêu thụ lớn như **Mỹ, EU, Trung Quốc, Hàn Quốc** đều giảm từ 17- 34%, trong khi XK sang Nhật Bản giảm ít hơn **(-13%**). Trong các khối thị trường lớn, Trung Đông được đánh giá là điểm đến hấp dẫn của doanh nghiệp Việt trong 2 năm gần đây, trước những biến động chiến tranh, lạm phát, khủng hoảng giá năng lượng. Trong quý III, riêng khối thị trường này có được mức tăng trưởng dương NK thủy sản từ Việt Nam, với mức 2% so với cùng kỳ năm 2022, và lũy kế 9 tháng đầu năm cũng có mức giảm thấp nhất, giảm 8%. Khối thị trường ASEAN và CPTPP giảm lần lượt 15% và 20% so với cùng kỳ.

Kết quả XK các thủy sản trong quý III/2023 có sự khởi sắc so với những tháng đầu năm, nhưng chưa có sự đột phá mạnh mẽ để nhìn thấy một xu hướng ổn định trong thời gian tới, vì mặt bằng so sánh nửa đầu năm 2022 đã ở mức thấp, sau khi tăng cao nửa đầu năm 2022.

Mức độ hồi phục doanh số XK thủy sản trong thời gian tới phụ thuộc phần nhiều vào 2 thị trường chính là Mỹ và Trung Quốc. Cả 2 thị trường này đều có những tín hiệu khả quan về mặt nhu cầu. Các đơn hàng từ 2 thị trường này đang tăng trở lại, nhưng giá XK vẫn ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm ngoái. Ví dụ, giá trung bình XK cá tra phile đông lạnh sang thị trường Mỹ trong 9 tháng đầu năm nay liên tục ở mức thấp hơn 25-40% so với cùng kỳ năm 2022. Ngoài các loài cá thịt trắng khác như cá tuyết, cá minh thái, cá rô phi, thì XK cá tra sang Mỹ phải cạnh tranh với chính lượng hàng tồn từ năm 2022. Dự đoán ít nhất tới năm 2024, cơ hội phục hồi mới khả quan hơn, khi áp lực về tồn kho không còn lớn nữa.

Với thị trường Trung Quốc, không chỉ Việt Nam, mà nhiều nước XK khác cũng đang trông chờ vào sự khôi phục ổn định sau Covid, đặc biệt là sau dịp Lễ vào mùa thu này – thời điểm mà nhu cầu của Trung Quốc thường tăng cao. Chính vì nhiều nguồn cung nhắm tới thị trường này nên giá mua của các nhà NK Trung Quốc thấp. Tuy nhiên, đây vẫn là điểm đến tiềm năng cho các nhà XK Việt Nam, đặc biệt sau khi Trung Quốc cấm NK hải sản từ Nhật Bản.

Với diễn biến hồi phục dần dần từ các thị trường, dự báo XK thủy sản quý IV có thể mang về khoảng **2,4 tỷ USD**, đưa kim ngạch XK cả năm 2023 lên **9 tỷ USD**, thấp hơn **-17**% so với năm 2022.

II. CÁC KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA DN THỦY SẢN VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HỖ TRỢ:

1. Bất cập quy định liên quan áp trần chi phí lãi vay:

Khái niệm về *"Các bên có quan hệ liên kết"* quy định tại điểm **d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP** ngày 05/11/2020 về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, trong đó có trường hợp: Doanh nghiệp có giao dịch liên kết là: *"Một doanh nghiệp bảo lãnh hoặc cho một doanh nghiệp khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm cả các khoản vay từ bên thứ ba được đảm bảo từ nguồn tài chính của bên liên kết và các giao dịch tài chính có bản chất tương tự) với điều kiện khoản vốn vay ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh*

nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay".

Trong khi đó, phần lớn DN của Việt Nam chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, các DN mới khởi nghiệp, nên nguồn vốn ngân hàng là kênh chính để đầu tư, phát triển, đặc biệt giai đoạn hiện nay ngoài nguồn vốn vay, các kênh huy động vốn từ thị trường tài chính gần như không hiệu quả.

Việc quy định giao dịch đi vay giữa ngân hàng và doanh nghiệp vay dài hạn để đầu tư là giao dịch liên kết, từ đó ***áp trần chi phí lãi vay để tính thuế thu nhập <u>là không hợp lý</u>***, gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh, cũng như dòng tiền của doanh nghiệp trong các năm đầu khi mới đầu tư.

Giao dịch cho vay giữa ngân hàng và doanh nghiệp cần được nhận định là một hoạt động kinh doanh bình thường trong đó sản phẩm là nguồn vốn. Việc áp trần chi phí lãi vay này sẽ khiến doanh nghiệp không có đủ tiềm lực hoặc ngại đầu tư, đổi mới công nghệ. Trong khi đầu tư, đổi mới là sống còn cho sự phát triển của doanh nghiệp nói riêng, cũng như nền kinh tế của đất nước nói chung.

Điểm c, khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP có xác định các đối tượng không thuộc phạm vi áp dụng quy định về trần tổng chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN, trong đó <u>không có các DN sản xuất</u>:

"c) Quy định tại điểm a khoản này không áp dụng với các khoản vay của người nộp thuế là tổ chức tín dụng theo Luật Các <u>tổ chức tín dụng; tổ chức kinh doanh bảo hiểm</u> theo Luật Kinh doanh bảo hiểm; các khoản vay vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của Chính phủ thực hiện theo phương thức Chính phủ đi vay nước ngoài cho các doanh nghiệp vay lại; các khoản vay thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (chương trình nông thôn mới và giảm nghèo bền vững); các khoản vay đầu tư chương trình, dự án thực hiện chính sách phúc lợi xã hội của Nhà nước (nhà ở tái định cư, nhà ở công cộng khác)"

Trong khi đó, các <u>DN sản xuất</u> là đối tượng cần được hỗ trợ về vốn để đầu tư, phát triển nhưng lại phải chịu áp mức trần này.

Kiến nghị:

1) Sửa đổi lại điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP để hủy bỏ quy định coi giao dịch đi vay giữa ngân hàng và doanh nghiệp vay dài hạn để đầu tư là giao dịch liên kết, giúp DN không phải bị áp trần chi phí lãi vay khi tính thuế TNDN.
2) Sửa đổi lại quy định các đối tượng không thuộc phạm vi áp trần chi phí lãi vay tại diểm c, khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP như tổ chức tín dụng, tổ chức kinh doanh bảo hiểm, công ty chứng khoán, … để các DN sản xuất không phải chịu áp mức trần của tổng chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN

2. Các bất cập liên quan đến chi phí tuân thủ quy định hành chính, chính sách thuế, phí, mức đóng BHXH và thời điểm đóng BHXH:

2.1. Vướng mắc trong phõn loại bựn thải của nhà mỏy chế biến thủy sản:

Theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (Thông tư 02) ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên-Môi trường, bùn thải thủy sản có mã chất thải là **14.03.04** và là chất thải rắn công

nghiệp thông thường phải xử lý (ký hiệu là **TT**), không được coi là chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế (ký hiệu là **TT-R**). Điều này khiến cho bùn thải thủy sản không thể giao làm nguyên liệu cho các Nhà máy sản xuất phân bón mà phải giao cho các công ty xử lý, chủ yếu dưới 2 hình thức là chôn lấp hoặc đốt, vừa gây lãng phí nguồn lợi, vừa tăng thêm ô nhiễm môi trường. Hiệp hội VASEP đã có văn bản báo cáo-kiến nghị số 46/CV-VASEP ngày 14/7/2022 (hơn 1 năm trước) gửi tới Bộ Tài nguyên Môi trường nhưng chưa có phản hồi của Bộ TNMT.

Kiến nghị: Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét đưa bùn thải thủy sản vào loại chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế và cấp ký hiệu (**TT-R**) như quy định tại khoản 3, điều 24, thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Quý Bộ để các Nhà máy thủy sản có thể giao cho các Nhà máy sản xuất phân bón làm nguyên liệu sản xuất.

2.2. Quan ngại trong thực thi EPR và định mức chi phí tái chế (Fs) cao tại Dự thảo QĐ của Thủ tướng Chính phủ:

Cộng đồng DN nói chung và các DN ngành hàng thủy sản nói riêng bày tỏ quan ngại trong cách thức thực thi **EPR** và định mức chi phí tái chế (Fs) cao.

Trong Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ do Bộ Tài nguyên Môi trường đang chủ trì dự thảo v/v «ban hành định mức chi phí tái chế hợp lý, hợp lệ đối với một đơn vị khối lượng sản phẩm, bao bì và chi phí quản lý hành chính phục vụ quản lý, giám sát, hỗ trợ thực hiện trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu", định mức chi phí tái chế (Fs) còn rất cao, thậm chí cao hơn cả Fs trung bình của châu Âu vì không trừ giá trị vật liệu thu hồi sau tái chế, gây tăng giá không cần thiết với nhiều sản phẩm, không phù hợp với khuyến cáo quốc tế và không phù hợp với kinh tế tuần hoàn;

Dự thảo cũng yêu cầu các DN phải nộp đóng góp tái chế từ tạm ứng trước vào đầu năm và chỉ cho phép DN chọn một trong hai hình thức **tự tái chế** hoặc **nộp tiền hỗ trợ tái chế** trong cùng năm cho cùng một loại bao bì, sản phẩm thải bỏ, khiến gia tăng thêm gánh nặng tài chính cho DN và không phù hợp với thực tiễn hiện hành.

Kiến nghị: Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét điều chỉnh và sửa đổi các nội dung đang vướng mắc trong Dự thảo Quyết định, trong đó:

(i) **xem xét lại định mức chi phí tái chế (Fs):** áp dụng hệ số **0,1** cho các vật liệu có giá trị, vật liệu thu hồi được cao hơn chi phí tái chế, bao gồm bao bì kim loại (*gồm cả nhôm và sắt*), bao bì giấy (*thay cho hệ số 0,2 cho nhôm và giấy; hệ số 0,4 cho bao bì sắt trong dự thảo*); áp dụng hệ số Fs 0,2-0,45 cho các loại bao bì: thủy tinh, nhựa cứng PET, nhựa cứng HDPE, bao bì đơn vật liệu mềm và bao bì giấy hỗn hợp.

(ii) Doanh nghiệp được thực hiện kết hợp cả hình thức tự tái chế và nộp tiền hỗ trợ tái chế trong cùng năm cho cùng một loại bao bì, sản phẩm thải bỏ;

(iii) Doanh nghiệp nộp đóng góp tái chế trên cơ sở quyết toán theo số lượng thực tế khi kết thúc năm và thời hạn nộp đến hết quý I của năm tiếp theo; và

(iv) Đề xuất chính sách ưu đãi đối với bao bì thân thiện với môi trường hoặc sử dụng vật liệu tái chế

2.3. Bất cập trong việc xác định Cấp thẩm quyền cấp giấy phép môi trường cho nhà máy:

Thực hiện theo Điều 39 *(Đối tượng phải có Giấy phép môi trường*) và Điều 41 (*Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường*) của Luật Bảo vệ Môi trường 2020, một số nhà máy thuộc đối tượng tại khoản 2 Điều 39 (*hoạt động trước ngày Luật BVMT 2020 có hiệu lực*) đến hạn phải làm thủ tục xin cấp giấy phép mới đã có nhiều lúng túng trong xác định cấp thẩm quyền cấp Giấy phép theo Luật BVMT mới quy định tại khoản 3 (**cấp Tỉnh**) & khoản 4 (**cấp Quận/huyện**) của Điều 41, nên đã phải hỏi Sở TNMT tỉnh. Sở TNMT làm văn bản hỏi ra Bộ TNMT (Cục Kiểm soát ô nhiễm/KSON) hướng dẫn xác định cấp thẩm quyền. Cục KSON/Bộ TNMT sau đó gửi văn bản trả lời cho các Sở TNMT. Tuy nhiên, nội dung phản hồi-trả lời của Cục KSON tới các Sở TNMT ở các tỉnh khác nhau được DN phản ánh là chưa đồng nhất, cộng với quá trình "xác định cấp thẩm quyền" của địa phương như mô tả trên mất khá nhiều thời gian, càng gây lúng túng cho doanh nghiệp.

Kiến nghị: **(i)** Bộ TNMT xem xét có hướng dẫn thống nhất, chi tiết gửi tới các Sở TNMT trên toàn quốc trong việc xác định cấp thẩm quyền cấp giấy phép môi trường liên quan việc tuân thủ Điều 39 & 41 của Luật BVMT; **(ii)** Để xác định rõ những nhà máy/dự án/cơ sở nào thuộc cấp thẩm quyền quy định tại khoản 3 (điểm c) hay khoản 4 Điều 41-Luật BVMT 2020, Bộ TNMT xem xét có hướng dẫn chi tiết chỗ này, trong đó đề xuất với các nhà máy có công suất sản xuất nhỏ & rất nhỏ (dưới 50m3 nước thải/ngày đêm) thì xem xét thuộc cấp Quận/Huyện cấp phép.

2.4. Về chính sách thuế TNDN đối với DN ngành thủy sản:

Sau nhiều năm vướng mắc liên quan việc áp mức thuế TNDN cao tới 20% tại Cục thuế nhiều địa phương do Cục thuế xác định sản phẩm thủy sản là từ "***hoạt động sơ chế***", sau kiến nghị của VASEP và tham vấn ý kiến của Bộ NNPTNT, Bộ KHĐT thì ngày 12/3/2021 Bộ Tài chính đã ban hành văn bản số **2550/BTC-TCT** v/v chính sách thuế TNDN gửi Bộ NNPTNT và VASEP, đã xác định rõ "***là hoạt động chế biến thủy sản***" làm căn cứ để các Cục thuế xác định ưu đãi thuế TNDN theo quy định hiện hành.

Kiến nghị: Bộ Tài chính sớm đưa nội dung xác định trên vào văn bản QPPL để thực hiện thống nhất theo tinh thần văn bản số 2550/BTC-TCT ngày 12/3/2021 của Bộ Tài chính.

2.5. Bất cập về mức đóng BHXH và kinh phí công đoàn:

Mức đóng BHXH (gồm BH hưu trí, BH y tế, BH thất nghiệp) tại Việt Nam đang cao nhất khu vực ASEAN, lên tới 32% mức lương tháng (*DN đóng 21,5%, người lao động đóng 10,5%*). Đó là chưa kể kinh phí công đoàn 2% quỹ lương do DN đóng và phí công đoàn 1% do người lao động đóng. Trong khi đó, cùng khu vực, Malaysia chỉ phải đóng BHXH chiếm 16,5% lương tháng, Philippines là 10%, Indonesia 10,26%, Campuchia 6,1%, Thái Lan 5%, Myanma 2%. Từ năm 2018 Việt Nam đã thay đổi cách tính lương để đóng BHXH, ngoài lương cơ bản còn thêm các khoản phụ cấp, làm chi phí DN tăng lên đáng kể.

Trong bối cảnh cuộc sống người lao động còn khó khăn và các DN đang suy giảm sản xuất, các khoản tính gộp vào lương để đóng BHXH cũng cần có sự điều chỉnh cho hợp lý để

giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cho DN và nâng cao đời sống cho người lao động.

Kiến nghị: Văn phòng Chính phủ, Hội đồng Tư vấn CCTTHC có ý kiến đề xuất với Quốc hội **(i)** giảm mức đóng BHXH bắt buộc của NLĐ và NSDLĐ về mức đóng tương đương của năm 2009, tức là NLĐ đóng 5% và NSDLĐ đóng 15%, tổng cộng 20% (thay vì mức 25,5% như hiện nay); **(ii)** đề xuất giảm tỷ lệ đóng vào quỹ BHTN của NLĐ còn 0,5% và của NSDLĐ còn 0,5% và có lộ trình giảm tiếp cho phù hợp với điều kiện thực tế; và **(iii)** đề xuất giảm mức đóng kinh phí công đoàn từ 2% xuống tối đa 1% quỹ lương.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI

TỔNG THƯ KÝ

HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH

Trương Đình Hòe

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch HH và các PCT HH;
- BCH và BKT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.